

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2025

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Phạm Ngọc Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Anh **Lê Hải T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000 chị và anh T được người thân mai mối, sau đó tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu bia, ghen tuông vô cớ, nhiều lần chửi mắng vợ con trước mặt nhiều người, có lần còn hành

hung chị. Năm 2015 anh T đánh chị té ngã phải phẫu thuật. Sau đó anh T có sửa chữa, thay đổi được khoảng hai năm rồi lại tiếp tục uống rượu bia, kiếm chuyện với vợ con, nhiều lần hăm dọa chém giết chị và cha mẹ chị. Do hoảng sợ nên chị không dám sống chung nhà với anh T, chị ra ngoài sinh sống riêng và đã ly thân hơn 05 năm. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung và hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Lê Thị Hằng N, sinh năm 2001 và Lê Thị Cẩm L1, sinh năm 2005. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết. Chị cam kết ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người khác.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn anh Lê Hải T trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài, không có mâu thuẫn gì lớn. Đôi khi anh có uống rượu bia rồi lớn tiếng với vợ con, biết sai nên anh cũng hạn chế, cố gắng sửa chữa để cùng nhau sống chung, xây dựng gia đình. Anh vẫn còn thương vợ, mong muốn được đoàn tụ để cùng xây dựng gia đình. Tại biên bản hòa giải ngày 07/02/2025, anh yêu cầu cho thời gian một tháng để vợ chồng hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị L cho rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên họp lần thứ 2 và phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh T; về con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị L và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau, anh T thường xuyên uống rượu bia, ghen tuông vô cớ, chửi mắng vợ con, có lần còn hành hung chị. Vì thương con nên chị cố gắng nhường nhịn, hàn gắn nhưng không có kết quả. Cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng vào năm 2017 khi anh T tiếp tục uống rượu bia, kiếm chuyện với vợ con, nhiều lần hăm dọa chém giết chị và cha mẹ chị. Do hoảng sợ nên chị không dám sống chung nhà với anh T, chị ra ngoài sinh sống riêng. Hiện nay các con đã thành niên, còn vợ chồng đã ly thân hơn 05 năm, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thể cùng nhau xây dựng gia đình. Còn anh T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, đôi khi anh có uống rượu bia rồi lớn tiếng với vợ con, biết sai nên anh cũng hạn chế, cố gắng sửa chữa để cùng nhau sống chung, xây dựng gia đình. Anh vẫn còn thương vợ, mong muốn được đoàn tụ để cùng xây dựng gia đình. Theo biên bản xác minh tại ấp B ngày 28/02/2025 thể hiện anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T uống rượu bia về cự cãi, có lần đánh vợ bị thương, hiện nay mỗi người sống một nơi. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhưng không khắc phục được. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị L đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với anh T. Tòa án đã mở phiên họp, cho cả hai đương sự thời gian, cơ hội hàn gắn nhưng đến nay không có kết quả.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục

được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Tại phiên tòa anh T vắng mặt, còn chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh T.

[4] Về con chung: Anh chị xác định có 02 người con chung là Lê Thị Hằng N, sinh năm 2001 và Lê Thị Cẩm L1, sinh năm 2005. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Hải T.

2. Về con chung: Có 02 người con chung là Lê Thị Hằng N, sinh năm 2001 và Lê Thị Cẩm L1, sinh năm 2005. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005261 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh